

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 224/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 9 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Hoàn

2. Ông Lưu Minh Sửu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020 về "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1970, địa chỉ: thôn H, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Huy N, sinh năm 1969, địa chỉ: thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 6 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T1 và anh N tự nguyện tìm hiểu, lấy nhau có tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương và làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T vào ngày 23/7/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên

nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình và không có con, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Đến tháng 02 năm 2011 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, nên chị bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, từ đó vợ chồng đã ly thân đến nay, không còn qua lại quan tâm đến nhau. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn và mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N .

Về con chung: Chị T1 xác định vợ chồng không có con chung, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Chị T1 xác định vợ chồng không có tài sản chung và không vay nợ tài sản của ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lê Huy N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án và từ chối trình bày quan điểm, nên Tòa án không lấy được lời khai.

Tại biên bản xác minh ngày 27/8/2020, đại diện Ủy ban nhân dân xã X cho biết: Chị Nguyễn Thị T1 và anh Lê Huy N có quan hệ là vợ chồng, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X vào ngày 23/7/2007; anh N và chị T1 không có con chung. Trong quá trình chung sống từ khoảng tháng 02 năm 2011 vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, và đã ly thân nhau đến nay.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình. Về hôn nhân: xử cho chị Nguyễn Thị T1 được ly hôn với anh Lê Huy N . Về con chung: Không xem xét. Về tài sản: không xem xét. Về án phí: Chị T1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T1 khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Lê Huy N , cư trú tại: Thôn Tân Thành, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị T1 và anh Lê Huy N tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã X, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/7/2007, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T1 và anh N là hôn nhân hợp pháp. Nay chị T1 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với lý do: trong quá trình chung sống tình cảm giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình và không có con; từ khoảng tháng 02 năm 2011 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng và vợ chồng đã ly thân đến nay không còn qua lại quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án anh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm, không tham gia các phiên hòa giải và phiên tòa, điều đó thể hiện anh N không quan tâm đến việc Tòa án đang giải quyết vụ án, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng. Tại biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân lập ngày 27/8/2020 đại diện địa phương cho biết: trong quá trình chung sống vợ chồng anh N, chị T1 có xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 02 năm 2011 đến nay.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị T1 và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân đã không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị T1, xử cho chị Nguyễn Thị T1 được ly hôn với anh Lê Huy N.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T1 và anh Lê Huy N không có con chung. Chị T1 có ý kiến không yêu cầu Tòa án giải quyết; trong khi anh N không có lời khai trong hồ sơ. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về phần tài sản và công nợ: Chị T1 xác định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; trong khi anh N không có lời khai trong hồ sơ, nên chưa có cơ sở xem xét giải quyết về phần tài sản và công nợ. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. *Về hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị T1 được ly hôn với anh Lê Huy N .
2. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị T1 và anh Lê Huy N không có con chung. Chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh N không có lời khai, nên không xem xét.
3. *Về tài sản và công nợ*: Không xem xét.
4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T1 đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0006121 ngày 16/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Chị Nguyễn Thị T1 đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến